Hoạt động bầu cử nghị viên của Viện Dân biểu Trung Kỳ giai đoạn 1930 - 1945

Nguyễn Văn Phượng*

Trường Đại học Quy Nhơn

Ngày nhận bài: 20/02/2019, ngày gửi phản biện: 8/05/2019, ngày duyệt đăng: 06/06/2019

Nội dung bài viết làm rõ hoạt động bầu cử nghị viên của Viện Dân biểu Trung Kỳ giai đoạn 1930 - 1945 trên các phương diện: quy định về bầu cử, diễn biến và kết quả các kỳ bầu cử. Qua đó, thấy rõ ý đồ "mị dân" của chính quyền thực dân Pháp và bản chất thực sự của cái gọi là Viện Dân biểu do thực dân Pháp lập nên ở khu vực Trung Kỳ. Tuy nhiên, chính các cuộc bầu cử này đã ít nhiều tạo nên không khí chính trị sôi động, góp phần tăng thêm hiểu biết một trong những quyền cơ bản của con người - quyền bầu cử cho người dân Trung Kỳ.

Từ khóa: Viện Dân biểu, Trung Kỳ, Bầu cử nghị viên, thực dân Pháp

1. Dẫn nhập

Sự ra đời thiết chế nghị viện đánh dấu quá trình tiến bộ hóa của xã hội loài người, là biểu hiện của nền dân chủ xã hội. Thiết chế nhà nước tương tự như nghị viện theo cách hiểu hiện nay đã xuất hiện từ hàng nghìn năm trước. Thế nhưng, đối với Việt Nam, cho đến đầu thập niên 20 của thế kỷ XX, vẫn chưa từng tồn tại thiết chế nghị viện. Chỉ đến giữa thập niên 20 của thế kỷ XX, khi phong trào yêu nước - cách mạng ở Việt Nam phát triển mạnh, thực dân Pháp mới công khai đặt vấn đề về sự tham gia của người bản xứ vào công việc cai trị và quyết định thành lập tổ chức dưới dạng thức nghị viện ở các xứ với những tên gọi khác nhau. Riêng khu vực Trung Kỳ, ngày 24/2/1926, thực dân Pháp cho thiết lập Viện những đại biểu của nhân dân Trung Kỳ (Chambre des Représentants du Peuple l'Annam; thường gọi là Viện Dân biểu Trung Kỳ) trên cơ sở cải tổ Phòng Tư vấn Trung Kỳ.

Từ khi ra đời, nhất là trong giai đoạn 1930 - 1945, Viện Dân biểu Trung Kỳ đã có những hoạt động tương ứng với chức năng, nhiệm vụ và có nhiều điểm đáng ghi nhận. Những hoạt động đó đã thổi luồng sinh khí mới, hình thức đấu tranh mới nhằm đòi quyền lợi cho người dân Trung Kỳ và thay đổi nhận thức chính trị của đông đảo quần chúng vốn chưa thoát khỏi chế độ quân chủ. Một trong những hoạt động đó là tổ chức các cuộc bầu cử cử nghị viên.

2. Quy định về bầu cử nghị viên Viện Dân biểu Trung Kỳ

2.1. Quy định đối với người ứng cử nghị viên

Trong những năm 1930 - 1933, quy định về người ứng cử nghị viên không có sự khác biệt so với trước. Theo đó, tư cách ứng cử của nghị viên được quy định như các *"Tú Vấn"* của Phòng Tư vấn Trung Kỳ, đó là tất cả người dân Trung Kỳ có nộp thuế, sinh ra và cư trú tại Trung Kỳ ít nhất đến năm 30 tuổi.

Ngày 3/7/1933, Vua Bảo Đại ban Dụ số 45 chia nghị viên làm ba hạng đại diện cho ba khối dân và tiêu chuẩn của người ứng cử từng hạng nghị viên như sau:

*nguyenductoan@qnu.edu.vn

Thứ nhất, nghị viên đại diện cho khối toàn bộ dân đinh người Kinh không phải là thương gia. Số lượng hạng nghị viên này được quy định dựa trên số lượng dân đinh đóng thuế. Cứ ba vạn dân đinh chịu thuế được bầu một nghị viên. Nếu còn dư từ 1 vạn dân đinh trở lên sẽ được thêm một nghị viên nữa. Tối thiểu mỗi tỉnh phải có một nghị viên, trường hợp tỉnh đó không có người trúng cử sẽ do chính phủ lựa chọn. Có một trường hợp ngoại lệ là tổng số dân đinh người Kinh ở cả ba tỉnh Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk dù bao nhiêu người cũng chỉ được bầu một nghị viên.

Người ứng cử nghị viên đại diện cho khối dân này trước hết phải đủ tư cách cử tri, tuổi đời từ 28 trở lên và phải biết đọc, viết; quê quán phải ở Trung Kỳ hoặc lúc ra ứng cử đang sinh sống, cư trú trên đất Trung Kỳ. Khoản 6 của Dụ số 45 ghi rõ: *"Về đại biểu không thuộc về thương giới, thời những người Nam sinh quán ở Trung Kỳ hay là hiện cư trú ở Trung Kỳ và có đủ những điều kiện để được đi bầu cử"*[1].

Thứ hai, nghị viên đại diện cho khối toàn bộ thương gia có đóng thuế môn bài. Số nghị viên đại diện khối dân nàycó 8 người, phân bổ theo nhóm tỉnh. Khoản 8 của Dụ số 45 phân bổ như sau: *"Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh hai đại biểu; Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên một đại biểu; Quảng Nam và Quảng Ngãi hai đại biểu; Bình Định, Kon Tum và Phú Yên một đại biểu; Đắk Lắk, Pleiku và Khánh Hòa một đại biểu; Ninh Thuận, Bình Thuận và Đồng Nai Thượng một đại biểu"*[2].

Người ứng cử nghị viên đại diện cho khối thương gia phải đủ tư cách cử tri, là người Việt Nam có nộp thuế môn bài, tuổi đời từ 28 trở lên và phải biết đọc; quê quán ở Trung Kỳ hoặc quê quán ở Bắc Kỳ nhưng cư trú ở Trung Kỳ.

Thứ ba, nghị viên đại diện cho khối dân đinh các dân tộc (ngoài người Kinh) ở khu vực miền núi Trung Kỳ. Theo quy định, nghị viên đại diện cho khối dân này không qua bầu cử mà được lựa chọn, giới thiệu bởi chính quyền cấp tỉnh và quyết định bởi chính quyền cấp xứ. Nguyên tắc cứ một ghế đại biểu để cử ba người để lựa chọn. Viên quan tỉnh bàn bạc với công sứ Pháp, lập danh sách gửi lên Bộ Lại chọn. Tuy nhiên, người đó phải được Khâm sứ Trung Kỳ đồng ý.

Ngày 5/8/1938, Vua Bảo Đại ban hành Dụ số 54 tiếp tục sửa đổi và bổ sung tiêu chuẩn đối với người ứng cử nghị viên. Theo đó, ngoài những khoản được quy định tại Dụ số 45 ngày 3/7/1933, có bổ sung thêm một số khoản khác. Cụ thể, đối với người ứng cử nghị viên đại diện cho khối dân đinh người Kinh không phải là thương gia và người ứng cử nghị viên đại diện cho khối thương gia có quê quán ở Bắc Kỳ phải cư trú trên đất Trung Kỳ tối thiểu là 5 năm[3]; đồng thời tăng số lượng nghị viên đại diện cho khối thương gia lên 12 người và phân bổ lại theo từng địa hạt như sau: *"Thanh Hóa một đại biểu; Vinh và Hà Tĩnh hai đại biểu; Đồng Hới và Quảng Trị một đại biểu; Thừa Thiên một đại biểu; Quảng Nam hai đại biểu, Quảng Ngãi một đại biểu; Bình Định và Phú Yên một đại biểu; Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đồng Nai Thượng một đại biểu; Bình Thuận một đại biểu; Đắk Lắk, Pleiku và Kon Tum một đại biểu"*[4]. Dụ số 54 cũng quy định người muốn ứng cử nghị viên phải tiến hành đăng ký ứng cử tại địa phương mình, và muộn nhất là 15 ngày trước khi diễn ra bầu cử phải được phủ, huyện trình danh sách lên viên quan đứng đầu tỉnh.

[1] Chambre des Représentants du Peuple, hồ sơ 1415, Fonds RSA, TTLTQG IV.
[2] Chambre des Représentants du Peuple.
[3] Chambre des Représentants du Peuple, hồ sơ số 1412, TTLTQG IV.
[4] Chambre des Représentants du Peuple.

2.2. Quy định đối với cử tri

Hoạt động bầu cử nghị viên Viện Dân biểu Trung Kỳ không theo chế độ phổ thông đầu phiếu mà theo cơ chế đại diện. Theo cơ chế này, đông đảo người dân Trung Kỳ không có quyền trực tiếp tham gia bầu cử nghị viên, họ chỉ có thể thực hiện quyền bầu cử của mình một cách gián tiếp thông qua những người đại diện (cử tri). Trong ba hạng nghị viên nêu trên, hạng nghị viên đại diện cho khối dân đinh các dân tộc (ngoài người Kinh) do chính quyền trực tiếp lựa chọn, không qua bầu cử; còn hai hạng nghị viên đại diện cho hai khối dân còn lại do cử tri của những khối dân này bầu lên. Dụ số 45 ngày 3/7/1933 quy định mỗi cử tri chỉ tham gia bầu cử nghị viên đại diện cho khối dân của mình mà thôi. Tiêu chuẩn của từng hạng cử tri được quy định cụ thể như sau: *Thứ nhất*, cử tri đại diện cho khối dân đinh người Kinh gồm có: các quan viên Nam triều đương chức và hưu trí; chánh tổng, phó chánh tổng, lý trưởng đã từng giữ chức ít nhất 5 năm và không bị kỉ luật cách chức; viên chức từng sự các công sở, chính phủ bảo hộ; sĩ quan và hạ sĩ quan hưu trí; hạ sĩ quan ngạch lính khố xanh hưu trí; trí thức từng đỗ Tiến sĩ, Phó bảng, Cử nhân, Cống sinh, tú tài, học sinh, khóa sinh hoặc những người có văn bằng hệ thống giáo dục Pháp - Việt; người đóng thuế điền thổ ít nhất 50 đồng; người có vinh hàm; cựu hội viên Hội đồng tư vấn và cựu Nhân dân đại biểu; hội viên Hội đồng tỉnh hạt đương khóa; cựu hội viên Hội đồng tỉnh hạt giữ vị trí ít nhất 10 năm[5]. Còn trường hợp nếu là dân đinh thường ở xã thì cứ 50 người được cử một cử tri tham gia bầu cử nghị viên. Tiêu chuẩn chung phải từ 21 tuổi trở lên, biết viết, đọc. Thế nhưng, đến năm 1938, số lượng cử tri đại diện cho bộ phận dân đinh thường ở xã giảm xuống về số lượng. Cụ thể, Dụ số 54 bỏ quy định cứ 50 người được cử một cử tri, và thay vào đó quy định mỗi làng dù có số lượng đinh bao nhiêu cũng chỉ được cử một đại diện để đưa vào danh sách cử tri. Thực chất đây là sự gia tăng thực thi chính sách không phổ thông đầu phiếu và hạn chế quyền bầu cử của người dân vốn không phải là tầng lớp thượng lưu trong xã hội Trung Kỳ. *Thứ hai*, cử tri đại diện cho khối dân là thương gia có đóng thuế môn bài phải là những thương gia có đóng thuế môn bài từ 16 đồng trở lên (từ hạng 5 trở lên).

Theo quy định, đến kỳ bầu cử, việc lập danh sách cử tri phải hoàn thành trong khoảng thời gian từ ngày 15/11 đến ngày 30/11 năm trước. Danh sách cử tri theo từng làng, tổng, huyện, phủ, thông qua sự kiểm duyệt của viên công sứ người Pháp, và gửi về Bộ Lại trước ngày 15/12 năm đó. Sau khi được Bộ Lại xem xét và được Khâm sứ Trung Kỳ phê duyệt, danh sách cử tri sẽ gửi lại cho các tỉnh công báo. Danh sách cử tri tham gia bầu cử có đầy đủ thông tin tên tuổi, tư cách và chỗ ở. Danh sách cử tri đại diện cho khối dân đinh người Kinh được lập riêng theo địa hạt bầu cử; còn danh sách cử tri đại diện cho khối dân là thương gia lại được lập theo từng tỉnh. Trường hợp người đủ tư cách cử tri nhưng không có tên trong danh sách được quyền bổ sung; còn trường hợp có tên nhưngbị chết, can án, hoặc không hợp lệ, dù không ai khiếu nại cũng bị xóa tên khỏi danh sách cử tri. Cả hai trường hợp trên, nhà chức trách đều phải lập biên bản, niêm yết ở tỉnh lỵ đến hết ngày 5/12 và gửi về tỉnh trước ngày 15/12.

2.3. Về quy trình bầu cử nghị viên và quy định trúng cử

Cuộc bầu cử nghị viên diễn ra dưới sự điều hành của Hội đồng bầu cử, gồm viên quan đứng đầu tỉnh, công sứ người Pháp, một giám định viên và hai dự thi, do viên quan đứng đầu tỉnh hoặc công sứ người Pháp làm Chủ tịch Hội đồng. Nhiệm vụ của hội đồng là giám sát, lập biên bản những việc diễn

[5] Chambre des Représentants du Peuple.

ra trong phiên bầu cử và lưu giữ những giấy tờ liên quan đến cuộc bầu cử. Trường hợp có khiếu nại, Thượng thư Bộ Lại và Khâm sứ Trung Kỳ sẽ là những người phân xử cuối cùng.

Quy trình bầu cử nghị viên thực hiện theo Dụ 01 ngày 22/7/1933 của Viện Dân biểu Trung Kỳ. Theo đó, ngày bầu cử sẽ do Bộ Lại quyết định và thông báo cho cử tri trước một tháng và được niêm yết tại các địa điểm bầu cử, phủ, huyện lỵ và đình làng. Cử tri khi đi bầu cử sẽ được cấp một phiếu bầu được gọi là bài chỉ. *"Cái bài chỉ bảo cử biên đủ tên, tuổi, nghề nghiệp, quán chỉ, tư cách được bảo cử của người bảo cử, ngày và chỗ bảo cử, hạt bảo cử"*[6]. Cuộc bỏ phiếu bắt đầu từ 6 giờ sáng cho đến 3 giờ chiều. Cử tri đi bầu cử tự mình viết phiếu, rồi đem giao cho quan chủ tọa, quan chủ tọa kiểm tra bài chỉ xong, cử tri bỏ phiếu vào thùng. Bỏ phiếu xong, quan chủ tọa làm dấu trong danh sách và cắt một góc bài chỉ. *"Đầu phiếu xong thì hội đồng mở thùng mà kiểm phiếu ít nữa phải có hai người bầu cử trông thấy. Nếu số phiếu không tương đương với người bỏ phiếu, ít hay nhiều hơn phải ghi vào biên bản"*[7]. Phiếu hợp lệ phải viết rõ tên người được bầu; phiếu không hợp lệ không tính nhưng vẫn phải ghi rõ trong biên bản.

Theo quy định, người trúng cử lần thứ nhất phải được quá nửa số phiếu. Trường hợp nếu không ai trúng cử sẽ tiến hành bầu lần thứ hai và khoảng cách giữa hai phiên bầu là 7 ngày. Ở phiên bầu thứ hai, người nào có số phiếu cao hơn thì trúng tuyển. Trường hợp hai ứng cử viên có số phiếu bằng nhau, người lớn tuổi hơn sẽ trúng cử.

Khi có kết quả bầu cử, viên quan chủ tọa tuyên bố và làm hai biên bản có đủ chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng bầu cử và những người trúng cử. Danh sách này được niêm yết tại địa điểm bầu cử và các phủ, huyện lỵ thuộc hạt bầu cử. Thời hạn niêm yết đến ngày 30/12 năm đó. Và sau 24 giờ kết thúc bầu cử, Hội đồng bầu cử phải đệ trình cho quan đứng đầu tỉnh tất cả biên bản liên quan đến cuộc bầu cử. Sau đó, quan đứng đầu tỉnh gửi lên Bộ Lại. Kết quả này sẽ được Thượng thư Bộ Lại thông qua viên Khâm sứ Trung Kỳ, rồi tâu báo lên hoàng đế chuẩn y. Người trúng cử sẽ được cấp bằng chứng nhận, do thượng thư Bộ Lại ký và Khâm sứ duyệt y. Riêng kết quả bầu cử nghị viên đại diện cho khối dân đinh người Kinh ở ba tỉnh Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk phải gửi về tỉnh Pleiku rồi mới công bố. Còn bầu cử nghị viên đại diện cho khối thương gia không tiến hành kiểm phiếu trực tiếp tại điểm bầu cử mà chuyển về tỉnh lỵ kiểm phiếu. Kết quả và danh sách người trúng cử được tỉnh gửi về cho từng địa hạt bầu cử; và danh sách này sẽ do từng địa điểm bầu cử công bố.

3. Các cuộc bầu cử nghị viên Viện Dân biểu Trung Kỳ giai đoạn 1930 - 1945

Nhiệm kỳ nghị viên Viện Dân biểu Trung Kỳ theo quy định năm 1926 là 3 năm. Nhưng saucó thay đổi, theo chiều hướng tăng lên. Theoquy định năm 1933, nhiệm kỳ nghị viên tăng lên 4 năm; đến năm 1938, tiếp tục điều chỉnhlên 6 năm, và cứ 3 năm sẽ bầu lại 50% số lượng nghị viên. Quy định nhiệm kỳ nghị viên 6 năm dự kiến sẽ áp dụng bắt đầu từ cuộc bầu cử năm 1941.Tuy nhiên,tháng 9/1939,Chiến tranh thế giới II nổ ra, cuộc bầu cử nghị viên năm 1941 đã không được diễn ra và quy định nhiệm kỳ nghị viên 6 năm không được áp dụng trên thực tế.

Trong giai đoạn 1930 - 1945, Viện Dân biểu Trung Kỳ tuy trải qua 4 nhiệm kỳ nghị viên (tháng 7/1930 - tháng 9/1933; tháng 9/1933 - tháng 8/1937;tháng 8/1937- tháng 6/1941 và tháng 6/1941 -

[6] Chambre des Représentants du Peuple, hồ sơ số 1415, TTLTQG IV.

[7] Chambre des Représentants du Peuple.

ngày 12/5/1945), nhưng chỉ có ba cuộc bầu cử nghị viện diễn ra, cuộc bầu cử nhiệm kỳ 1941 - 1945 đã không được diễn ra trên thực tế.

3.1. Cuộc bầu cử nghị viện nhiệm kỳ 1930- 1933

Cuộc bầu cử nghị viện nhiệm kỳ 1930 - 1933 diễn ra phiên đầu tiên vào ngày 10/7/1930 và phiên thứ hai vào ngày 17/7/1930 trên tất cả các địa hạt ở Trung Kỳ. Do muốn *"thay thế những trí thức Nho học cũ trong Viện Dân biểu Trung Kỳ"*[8] bằng những nghị viện có tư tưởng ủng hộ chính sách hợp tác Pháp - Việt và mong chờ vào dân chủ mà thực dân Pháp ban phát cho, nên khi nhận danh sách ứng cử, thực dân Pháp thẳng tay gạt bỏ những nghị viện có liên quan đến các tổ chức yêu nước chống Pháp mà đặc biệt là các tổ chức cộng sản. Điển hình như các trường hợp Nguyễn Khoa Tùng, Nguyễn Văn Tùng, Tôn Thất Viễn Đệ... Đồng thời đưa những nhân vật thân Pháp vào danh sách và không tiếc công sức vận động phiếu cho những người này.

Điều này thể hiện rõ trong cuộc vận động bầu cử ở Huế. Ra tranh cử nghị viện ở Huế nhiệm kỳ 1930 - 1933 có ba ứng viên là: Nguyễn Khoa Tùng, Ưng Du và Đinh Doãn Sắt. Trong đó, Đinh Doãn Sắt được chính quyền thực dân ra sức vận động phiếu, tên tuổi và chương trình vận động của người này được dán trước bình phong Thừa phủ. Hiện tượng đó được *Hà thành ngọ báo* miêu tả: *"Đến 10 giờ sáng hôm ấy lại thấy một bức quang cáo to tướng dán ở trước mặt công chúng rằng nên bầu cử Đinh Doãn Sắt. Trước cửa Thừa Phủ có tư thiết mấy bàn rượu uống giải khát, thuốc tây và can trầu để đãi các ông đi bầu cử"*[9]. Do đó, Đinh Doãn Sắt đã trúng cử.

Kết quả là trong số 32 người trúng cử nghị viện Viện Dân biểu Trung Kỳ nhiệm kỳ 1930 - 1933 có nhiều ứng cử viên có tinh thần dân tộc bị gạt ra khỏi danh sách hoặc không trúng cử, thay vào đó là những nghị viện thân Pháp.

3.2. Cuộc bầu cử nghị viện nhiệm kỳ 1933 - 1937

Cuộc bầu cử nghị viện nhiệm kỳ 1933 - 1937 diễn ra vào tháng 9/1933. Đây là cuộc bầu cử đầu tiên áp dụng quy định bầu cử mới được ban hành trong Dụ 45 ngày 3/7/1933 và nghị định bổ sung ngày 22/7/1933. Theo đó, các hội đồng bầu cử được thành lập theo địa hạt, có nhiệm vụ giám sát bầu cử, mỗi tỉnh có thể có một hoặc nhiều địa hạt khác nhau, cùng tiến hành bầu cử. Ví như trường hợp tỉnh Thanh Hóa, có 1 thành phố, 6 phủ, 8 huyện được chia làm 6 địa hạt bầu cử, với 31 người ứng cử, 6.098 cử tri, trong đó có 5.286 cử tri đi bầu cử. Quá trình bầu cử, có hai khu vực bầu cử phải tiến hành bầu lại là khu vực phủ Tĩnh Gia, huyện Nông Cống do tổ chức bầu không hợp lệ và khu vực phủ Hà Trung, các huyện Nga Sơn, Thạch Hà, Cẩm Thủy, Vĩnh Lộc do không đủ số lượng cử tri đi bầu[10].

Kết quả cuộc bầu cử nghị viện nhiệm kỳ 1933 - 1937 có 47 người trúng cử. Trong đó nghị viện đại diện cho khối dân đinh người Kinh không phải là thương gia có 34 người, đại diện cho khối thương gia có đóng thuế môn bài có 6 người và đại diện cho khối toàn bộ dân đinh các dân tộc (ngoài người Kinh) ở khu vực miền núi Trung Kỳ do Chính phủ chọn có 6 người[11].

3.3. Cuộc bầu cử nghị viện nhiệm kỳ 1937 - 1941

[8] Hồ sơ số 1315, TTLTQG IV.
[9] Phan Khôi (ngày 8/10/1935).
[10] Hà Thành ngọ báo (ngày 21/9/1933).
[11] Hồ sơ số 1419, tr.59-62.

Cuộc bầu cử nhiệm kỳ này diễn ra sôi động hơn trước, nhất là giai đoạn vận động tranh cử. Vận động tranh cử được quan tâm và diễn ra với nhiều hình thức khác nhau, càng gần đến ngày bầu cử cuộc vận động tranh cử càng trở nên sôi nổi. Tuy nhiên, do sự kiểm soát của chính quyền, trên thực tế các cuộc vận động tranh cử diễn ra một cách khá mờ nhạt như những *"tuồng diễn"* và không có tính tổ chức dẫn đến cử tri *"nên bầu cho ai? và bầu cho họng nào?"* hết sức mơ hồ.

Không khí vận động bầu cử sôi động nhất là trên địa hạt báo chí. Trên tờ báo *Sông Hương tục bản* xuất hiện nhiều bài thơ văn cổ vũ, vận động cho nghị viên có tài đức, có lòng vì dân vì nước. Tờ báo kêu gọi: *"Ai là người vì dân vì nước, hãy tự mình bạo ra ứng cử đi"*; còn *"người nào tự xét mình không đủ tư cách làm một người đại biểu cho dân, thì nên lùi bước ngay để nhường chỗ cho những người thật xứng đáng với cái tên qui hóa ấy"*[12]. Trên những số khác, *Sông Hương tục bản* liên tục đăng nhiều bài cổ động cho cuộc bầu cử nghị viên nhiệm kỳ 1937 - 1941[13].

Cuộc bầu cử nghị viên nhiệm kỳ 1937 - 1941 trên toàn xứ Trung Kỳ có tất cả 167 người ra ứng cử. Phiên bầu cử thứ nhất diễn ra ngày 1/8/1937 có 25 người trúng cử, phiên thứ hai diễn ra ngày 8/8/1937 có 19 người trúng cử, cộng với 7 nghị viên đại diện cho khối dân đinh các dân tộc do Chính phủ chọn tổng số là 51 nghị viên[14].

4. Kết Luận

Trong giai đoạn 1930 - 1945, thực dân Pháp đã hoàn thiện quy định về tiêu chuẩn người ứng cử nghị viên lẫn cử tri, về quy trình bầu cử và quy đinh trúng cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ. Hành động đó của thực dân Pháp thực chất nhằm kiểm soát các cuộc bầu cử để chọn ra các vị *"dân biểu"* trung thành với chế độ thực dân phong kiến. Vì thế, phần lớn nghị viên đều xuất thân từ tầng lớp thượng lưu bản xứ, có thái độ thân chính quyền thực dân, những trí thức nho học có tinh thần dân tộcdần bị loại bỏ. Quyền bầu cử và ứng cử cũng chỉ dành riêng cho một bộ phận người nhỏ trong xã hội, trong khi quảng đại dân chúng hoàn toàn bị gạt ra ngoài quá trình bầu cử. Do đó, cái bản chất là một *"chân rết"* nằm trong hệ thống chính quyền bản xứ, công cụ thống trị của thực dân Pháp của Viện Dân biểu Trung Kỳ vẫn không thay đổi.

Dầu vậy, không thể phủ nhận bản chất của Viện Dân biểu Trung Kỳ, thể chế nghị viện mà thực dân Pháp dựng lên ở Trung Kỳ để mị dân. Tuy nhiên, thông qua các hoạt động bầu cử của nó, hình thức đấu tranh nghị trường đã đi vào tiềm thức và sự quan tâm của người dân Trung Kỳ, đặc biệt là giới trí thức có tinh thần dân tộc với mong muốn dùng nghị trường để công khai đấu tranh đòi quyền *"dân sinh"*, *"dân chủ"* cho nhân dân. Đặc biệt sau thành công của cuộc vận động đấu tranh nghị trường do Đảng cộng sản Đông Dương phát động, những nghị viên do Đảng giới thiệu và trúng cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ đã kết hợp với các nhóm nghị viên khác đấu tranh yêu cầuchính quyền thực dân phong kiến phải thỏa hiệp và điều chỉnh một số chính sách cai trị. Rõ ràng, kết quả cuộc vận động tranh cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ ảnh hưởng tích cực đến phong trào dân tộc dân chủ, góp phần vào thành quả chung của phong trào yêu nước-cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Mặt khác, nó

[12]Báo Sông Hương(ngày 10/7/1937).

[13] Nguyễn Văn Trung (2011), tr.76-79.

[14]*Leste des candidats aux eslection de la Chambre des Représentans du Peuple dans les provinces de l'Annam années 1925 -1944*,tr.59-62

còn là cơ sở cho công cuộc vận động xây dựng chế độ dân chủ mới *"do dân, vì dân"* sau thành công của Cách mạng tháng Tám 1945.

Tài liệu tham khảo

1. "Cùng các ông ra tranh cử dân biểu", *Báo Sông Hương*, số 4, ra ngày 10/7/1937.

2. "Cuộc bảo cử dân biểu Trung Kỳ tại tỉnh Thanh Hóa", *Hà Thành ngọ báo*, số 1815, ra ngày 21/9/1933.

3. Phan Khôi, "Trung Kỳ may ra được giảm chín trăm đồng bạc thuế", *Báo Tràng An*, số 64, ra ngày 8/10/1935.

4. Nguyễn Văn Trung (2011), "Báo chí của Xứ ủy Trung Kỳ với cuộc bầu cử vào Viện Dân biểu trong cao trào vận động dân chủ (1936 - 1939)", *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 12, tr.76 - 79.

5. Chambre des Représentants du Peuple, *DU N°45 du 3 Juillet 1933 portant reorganization de la Chambre des Représentants du Peuple de L'Annam*, hồ sơ 1415, Fonds RSA, TTLTQG IV.

6.Chambre des Représentants du Peuple, *DU N°54 du 10 ème jour du 7 ème mois de la 13 ème année de Bao Dai (5 Aout 1938)*,Fonds RSA, hồ sơ số 1412, TTLTQG IV.

7. Chambre des Représentants du Peuple,*L'arrété ministériel no 1 du 22 juillet 1933 relatif à la confection et la revision des listes electorales de la chambre des représentants du peuple*, Fonds RSA, hồ sơ số 1415, TTLTQG IV.

8. *Leste des candidats aux eslection de la Chambre des Représentans du Peuple dans les provinces de l'Annam années 1925 -1944*,Fonds RSA, hồ sơ số 1419, TTLTQG IV.

9. *Rapport d'ensemble sur la situation politique et administrative de L'Annam 1931*,fonds RSA, hồ sơ số 1315, TTLTQG IV.